TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 7- 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trường S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Trường S *trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Trường S và anh Đặng Quốc T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 27/11/2009 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại khu A xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh T có hành vi đánh chị S. Kể từ năm 2017 cho đến nay chị S và anh T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là: Cháu Đặng Thu T1, sinh ngày 03/11/2010 và cháu Đặng Trung H, sinh ngày 18/4/2012. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị S xin được trực tiếp nuôi cháu T1, để anh T trực tiếp nuôi cháu H. Chị S không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đặng Quốc T2 trình bày trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T3 Sang tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2009 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2017, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Lý do sau khi chị S bị bệnh, anh T2 đã đưa đi chữa trị khỏi bệnh, nhưng sau đó về nhà chị S tự nhiên bỏ đi, bỏ bê con cái nên cuộc sống có nhiều bế tắc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay chị S xin ly hôn, anh T2 nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là cháu Đặng Thu T1, sinh ngày 03/11/2010 và cháu Đặng Trung H, sinh ngày 18/4/2012. Khi ly hôn anh T2 có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình: Không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị Nguyễn Thị Trường S và anh Đặng Quốc T.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T1 Sang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thu T2, sinh ngày 03/11/2010; Anh Đặng Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Trung H, sinh ngày 18/4/2012. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

+ Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị và anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T S và anh Đặng Quốc T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T2 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị Trường S1 và anh Đặng Quốc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 27/11/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị S1 và anh T1 có những bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn nhau trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung. Chị S1 và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S1 và anh T1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S1 và anh T1 đã thỏa thuận thuận tình ly hôn. Xét nên xử công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị S1 và anh T1 có 02 con chung là cháu Đặng Thu T3, sinh ngày 03/11/2010 và cháu Đặng Trung H, sinh ngày 18/4/2012. Chị S1 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đặng Thu T3 còn để anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đặng Trung H; Anh T2 có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu. Chị S1 và anh T2 đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện nuôi con: Cả chị S và anh T đều là lao động tự do và có thu nhập, đều có khả năng nuôi con. Các con chung của anh chị đều có nguyện vọng xin được ở với cả bố và mẹ. Tuy nhiên, nếu giao cả 02 con chung cho một bên nuôi dưỡng thì bên trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gặp khó khăn về kinh tế. Hơn nữa, cháu T1 là con gái, hiện đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý, cần sự chăm sóc, quan tâm trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, xét giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thu T2, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Trung H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia là phù hợp.

* Về tài sản chung, nợ nghĩa vụ chung tài sản (công nợ): Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do các bên thỏa thuận thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị S tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, vì vậy giao cho chị S nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trường S và anh Đặng Quốc T

[2]. Về con chung: Khi ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị T1 Sang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thu T2, sinh ngày 03/11/2010; anh Đặng Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng Đặng Trung H, sinh ngày 18/4/2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Chị S, anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trường S tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003757 ngày 31/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. H1 lại cho chị Nguyễn Thị T1 Sang 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền án phí.

Chị S và anh T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Hanh Cù.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan